

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

No. 376

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Pháp Hiễn¹, người Bình Dương²

Việt dịch: Thích Nguyên Hùng

Quyển 1 Phẩm thứ 1 TỰA

[853a] Đúng thật như thế, chính tôi được nghe:

Một thời Thế Tôn nằm ở khoảng giữa hai cây sa-la³ trong rừng Kiên cố⁴, bên bờ Hi-liên⁵, nơi vùng đất của bộ tộc Lực sĩ, thuộc thành Câu-di⁶. Bấy giờ nhằm ngày trăng tròn tháng hai, Thế Tôn sắp sửa vào bát-nê-hoàn⁷, tám trăm ức vị tì-kheo cùng ngồi vây quanh Thế Tôn.

Bấy giờ tất cả chúng sinh đều được an ổn khoái lạc, thân tâm thanh tịnh, không niệm nghi ngờ, không hề mỏi mệt. Ngày nay Thế Tôn đã tự giác ngộ thành bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác, thương xót thế gian, che chở hộ trì, làm chỗ

¹ Theo bản Tống, Pháp Hiễn cùng dịch chung với sa-môn Giác Hiễn (S: Bodhibhadra), người Thiên Trúc.

² Pháp Hiễn 法顯, họ Cung, người Bình Dương, tức vùng Sơn Tây, Trung Quốc ngày nay. Xem *Truyện cao tăng Pháp Hiễn*, HT. Trí Quang dịch, để biết thêm về ngài.

³ Sa-la, xem Kiên cố lâm, dưới.

⁴ Kiên cố lâm 堅固林 (S: Śāla): tức rừng cây Sa-la, còn gọi là Kiên lâm, Song thọ lâm, Hạc lâm. Theo *Phiên dịch danh nghĩa tập* quyển 3, thì cây Sa-la vốn không tàn rụi sơ xác trong cả bốn mùa, vì vậy mà dịch là Kiên cố (Phật quang đại từ điển - viết tắt PQĐTD – tr.4446).

⁵ Hi-liên 熙連 (S: Hiranyavatī): tên sông, còn gọi là A-thị-đa-phạt-để (S: Ajitavatī), nằm ở miền trung Ấn Độ, thuộc thành Câu-thi-na xưa (Đỉnh Phúc Bảo - viết tắt ĐPB).

⁶ Câu-di thành lực sĩ sinh địa 拘夷城力士生地: tức thành Câu-thi-na (S: Kūśinagara), vùng đất của bộ tộc Lực sĩ, tức bộ tộc Mạt-la (S: Malla).

⁷ Bát-nê-hoàn 般泥洹 (Cg: bát-niết-bàn 般涅槃; niết-bàn 涅槃; S: pariṃvāṇa, nirvāṇa): chỉ trạng thái diệt tận phiền não, bất sinh, viên tịch, giải thoát, vô vi, an lạc.

nương tựa cho cả thế gian, thương mọi chúng sinh y như con một. Đại Mâu-ni⁸ Tôn điềm đạm ân cần bảo chúng sinh rằng:

- Ta sắp nê-hoàn, trong chúng hội đây ai còn hoài nghi mau nên thưa hỏi, vì đây là lần thưa hỏi cuối cùng.

Đại chúng biết vậy lòng rất đau buồn.

Bấy giờ từ trên khuôn mặt⁹ Thế Tôn phóng ra vô số hào quang rực rỡ, xanh vàng đỏ trắng, sắc hồng pha lê, ánh sáng đặc thù, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới¹⁰, chiếu khắp hết thảy mười phương cõi Phật; sáu đường chúng sinh¹¹ gặp ánh sáng này phiền não nghiệp chướng đều được tiêu trừ; có người xúc động nước mắt chứa chan, tuôn xuống như mưa, nhìn nhau bảo rằng:

- Ôi thôi nhân giả! Thế gian trống vắng. Ôi thôi nhân giả! Phước chúng sinh hết. Than ôi nhân giả! Pháp khổ sẽ tăng. Như Lai không lâu sẽ bát-nê-hoàn! Thế gian trống vắng sao mà chóng thế? Con mắt thế gian sao diệt chóng thế? Chúng ta hãy mau cùng nhau đến chỗ Đức Phật Thế Tôn lễ bái cúng dường, đồng thời thỉnh cầu xin Ngài chớ vội vào bát-nê-hoàn, xin Ngài trụ lại ở thế gian này hoặc là một kiếp hoặc hơn một kiếp. Nếu Phật nê-hoàn, ai sẽ là người dạy bảo chúng ta hành đạo từ bi, ai sẽ là người cứu vớt chúng ta thoát khỏi khổ nạn? Vì vậy các ông điều gì chưa hiểu mau đến chỗ Phật xin Ngài quyết nghị.

Bấy giờ mặt đất chấn động sáu cách¹².

Khi ấy tám trăm ức vị ti-kheo đều đã chứng đạt quả A-la-hán¹³, tâm được tự tại, việc mình đã xong, lìa sạch phiền não, hàng phục các căn, ví như rừng lớn,

⁸ Mâu-ni 牟尼 (S: Muni): mỹ hiệu chỉ cho những bậc Thánh đã đoạn trừ hết phiền não. Trong hàng Thánh giả đó, Đức Phật được tôn xưng là Đại Mâu-ni.

⁹ Nguyên bản ghi là diện môn 面門 (S: mukha): có ba cách giải thích: chỉ nơi miệng, chỉ giữa khuôn mặt, và chỉ khoảng dưới mũi, trên miệng, tức huyết nhân trung (PQĐTĐ, tr.3988).

¹⁰ Tam thiên đại thiên thế giới 三千大千世界 (S: tri-sāhasra-mahā-sāhasra-loka-dhātu): một thế giới hệ gồm ba ngàn đại thiên thế giới. Tập hợp bốn đại châu, mặt trời, mặt trăng và các cõi trời làm thành một thế giới. Một ngàn thế giới hợp lại thành một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới hợp lại thành một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới hợp lại thành một đại thiên thế giới (ĐPB).

¹¹ Sáu đường chúng sinh (tức lục thú chúng sinh 六趣眾生): chúng sinh theo nghiệp của mình đã tạo mà qua lại trong sáu đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a tu la, trời và người.

¹² Chấn động sáu cách (tức lục chủng chấn động 六種震動): rung động, khởi lên, vọt lên, vang động, găm rỗng, thức tỉnh (PQĐTĐ, tr.1306).

thành tựu Không tuệ¹⁴, lợi mình đã đạt, như rừng chiên-đàn¹⁵ muôn cây trong ấy đều được thơm lây, công đức đầy đủ, xứng đáng gọi là đứa con chân thật của Đức Như Lai. Tên các ngài là: Đại Ca-chiên-diên¹⁶, ngài Bạc-câu-la¹⁷, Ưu-ba-nan-đà¹⁸... Các tì-kheo này vào sáng hôm ấy dùng cành dương chi¹⁹ súc miệng thanh tịnh thì có ánh sáng vô cùng vi diệu chiếu khắp thân mình, giống như mặt trời lúc vừa mới mọc rọi lên cây xanh từng đường gân lá nổi lên trên ấy như mạch máu đỏ. Chư vị tì-kheo cũng giống như vậy, toàn thân rung động, các lỗ chân lông thấy đều rướm máu tuôn chảy như mưa, lòng đau như cắt. Họ vì thương xót tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh an lạc hạnh phúc và muốn phát tâm học pháp Đại thừa²⁰, phương tiện mật giáo²¹ hóa độ chúng sinh, cho nên nhanh chóng đến chỗ Như Lai, lạy dưới chân Ngài, nhiễu trăm ngàn vòng, cung kính hỏi thăm, đứng về một phía.

Lại có hai lăm ức tì-kheo-ni²², đều A-la-hán, tâm được tự tại, những việc cần làm thấy đã làm xong, lia sạch phiền não, hàng phục các căn, thí như rồng lớn, thành tựu Không tuệ, tự độ viên mãn. Tên các vị ấy là tì-kheo-ni Câu-lân Nữ Tu-bạt-đà-la²³, tì-kheo-ni Ưu-ba-nan-đà²⁴, tì-kheo-ni Hải Trí v.v... Giống như mặt trời

¹³ A-la-hán 阿羅漢 (S: arhat): quả vị cao nhất trong bốn quả vị Thanh văn, dịch ý là ứng cúng, ứng chơn, sát tặc, bất sinh, vô sinh, vô học, chơn nhân. Đó là bậc Thánh đã đoạn trừ hết tất cả phiền não (kiến hoặc và tư hoặc) trong tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới), chứng đắc Tận trí (S: Kṣaya-jñāna), có thể kham nhận sự cúng dường của chư thiên và loài người (PQĐTĐ, tr.3692).

¹⁴ Không tuệ 空慧: trí tuệ quán chiếu lý không của các pháp, tức là tuệ giác có được nhờ chứng nhập tánh không của các pháp (ĐPB).

¹⁵ Chiên đàn 栴檀 (S: Candana), một loại cây, gỗ rất thơm, còn gọi là gỗ đàn hương, mọc trên núi Malaya, miền Nam Ấn Độ, có thân giống đầu trâu, nên còn gọi là Ngưu đầu chiên-đàn.

¹⁶ Ca-chiên-diên 迦旃延 (S: Kātyāyana): một trong mười đệ tử xuất sắc của Phật, có khả năng nghị luận bậc nhất.

¹⁷ Bạc-câu-la 薄拘羅 (S: Vakkula, Bakkula, Bakula, Vakula): nguyên quán ở Kosambi, một trong bốn đệ tử có đại thần thông (abhiñña). Ngài được coi là vị đệ tử khổ hạnh, không thuyết pháp.

¹⁸ Ưu-ba-nan-đà 優波難陀 (S: Upananda), dịch là Đại Hỷ, Trọng Hỷ. Ngài rất xinh đẹp.

¹⁹ Dương chi 楊枝 (S: Dantakāṣṭha): một loài cây, dùng làm bàn chải đánh răng, hoặc làm tăm xia răng, rất tốt, vừa làm trắng răng, vừa ngừa sâu răng (ĐPB).

²⁰ Đại thừa 大乘 (S: Manāyāna): cỗ xe lớn, nghĩa bóng là chỉ cho giáo pháp của đức Phật có khả năng đưa chúng sinh từ bờ phiền não đến bến giác ngộ. Các kinh A-hàm đều tôn xưng giáo pháp của đức Phật là Đại thừa (ĐPB).

²¹ Phương tiện 方便 (S: upāya): các pháp môn tu tập giúp chúng sinh đạt được giác ngộ giải thoát. Mật giáo □□: cảnh giới pháp thân Phật nội chứng, bí mật, thâm áo (ĐPB).

²² Tì-kheo ni 比丘尼 (S: bhikṣuṇī): nữ giới xuất gia theo đạo Phật đã thọ trì đại giới (PQĐTĐ).

²³ Câu-lân nữ 拘隣女須跋陀羅 (S: Koṇḍañña Subhadra): người nữ họ Câu-lân, tên Tu-bạt-đà-la (PQĐTĐ).

lúc vừa mới mọc rọi lên cây xanh từng đường gân lá nổi lên trên ấy như mạch máu đỏ, các ti-kheo-ni cũng giống như vậy, toàn thân rung động, các lỗ chân lông thấy đều rướm máu, tuôn chảy như mưa, vô cùng thông khổ. Họ vì thương yêu tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh có được an lạc và muốn phát tâm học pháp Đại thừa, phương tiện mật giáo để làm nhân duyên giáo hóa chúng sinh, liền đến chỗ Phật, lạy dưới chân Ngài, nhiễu trăm ngàn vòng, cung kính hỏi thăm, đứng về một phía.

Lại có rất nhiều vị ti-kheo-ni vốn là bồ-tát, đã chứng Thập địa²⁵. Họ là những bậc đồng mãnh vô song trong chốn loài người, vì duyên giáo hóa mới hiện thân nữ. Họ đều có đủ bốn tâm vô lượng²⁶, có thể hiện thành thân Phật không khác, biến hóa không cùng.

Lại có các vị đại bồ-tát nhiều như số cát trong một con sông Hằng²⁷. Họ là những người hùng dũng bậc nhất trong cõi nhân gian, tất cả công đức đều đã đầy đủ, dùng thân phương tiện, tin sâu Đại thừa, chân chính hướng đến cầu pháp Đại thừa, đói khát Đại thừa, mong cầu Đại thừa, khát ngưỡng Đại thừa, khéo léo tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa độ, giải thoát cho kẻ chưa được giải thoát. Họ đã trải qua trong vô số kiếp tu tập tịnh giới, độ thoát chúng sinh; trong số vô kiếp tu tập tịnh giới, an ủi chúng sinh; trong vô số kiếp tu tập tịnh giới, hung long Tam bảo; trong vô số kiếp tu tập tịnh giới, chuyển bánh xe pháp; trong vô số kiếp tu tập tịnh giới, thành đại trang nghiêm; trong vô số kiếp tu tập tịnh giới, hành xử kiên cố. Họ đã thành tựu vô lượng công đức như thế và thương hết thấy chúng sinh y như con một. Tên của họ là: bồ-tát Hải Đức, bồ-tát Vô Lượng Trí v.v... Giống như mặt trời lúc vừa mới mọc rọi lên cây xanh từng đường gân lá nổi lên trên ấy như mạch máu đỏ, các bồ-tát này cũng giống như vậy, toàn thân rung động, các lỗ chân lông thấy đều rướm máu, tuôn chảy như mưa, vô cùng thông khổ. Họ vì thương xót tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh có được an lạc, muốn phát Đại thừa phương tiện mật giáo để làm nhân duyên giáo hóa chúng sinh, nên họ liền đến chỗ Đức

²⁴ Ưu-ba-nan-đà 優婆難陀 (S: Upananda): ti-kheo-ni, cùng tên một vị ti-kheo Tăng (PQĐTĐ).

²⁵ Thập địa 十地 (S: daśabhūmi): mười giai vị tu chứng của các vị bồ-tát (PQĐTĐ).

²⁶ Bốn tâm vô lượng (tức tứ vô lượng 四無量; S: catvāry apramāṇāni): từ, bi, hỉ, xả (PQĐTĐ).

²⁷ Hằng hà 恒河 (S: Gaṅgā): sông Hằng, một trong 5 con sông lớn nhất tại Ấn Độ (PQĐTĐ).

Phật nằm, dập đầu đánh lễ, rồi đi nhiễu quanh hơn trăm ngàn vòng, cung kính hỏi thăm, đứng về một phía.

Lại có những người là cận sự nam²⁸ nhiều như số cát của hai sông Hằng. Họ rất vui về tin sâu các pháp đối trị²⁹ như là khổ đau hạnh phúc, thường với vô thường, ngã với vô ngã, không với phi không, y với vô y, chúng sinh với chẳng phải là chúng sinh, hằng với phi hằng, kiết với phi kiết, hữu vi vô vi, nê-hoàn với chẳng phải là nê-hoàn... Họ lại ưa nghe diệu nghĩa và muốn xiển dương Đại thừa. Trong vô số kiếp họ đã tu tập phạm hạnh thanh tịnh chưa từng thôi thất. Họ muốn thực hành giáo pháp Đại thừa, giảng giải cho người tu tập tịnh giới, tham muốn cầu học Đại thừa vững chắc. Họ lại muốn học tùy thuận thế gian, lại muốn cầu học độ thoát thế gian, lại muốn cầu học hưng long Tam bảo, lại muốn cầu học chuyển vận pháp luân, lại muốn cầu học pháp đại trang nghiêm. Họ đã thành tựu viên mãn vô lượng công đức như thế và thương chúng sinh giống như con một. Các cư sĩ ấy tên Quang Vô Cầu Xung Vương, Thiện Đức v.v... số nhiều như cát trong hai sông Hằng.

Các cư sĩ này vì muốn cúng dường Đức Phật Như Lai, sáng sớm hôm ấy, mỗi người đều sắm năm ngàn giường, màn bằng gỗ chiên-đàn, trầm thủy, chúng bảo, thiên hương, uất-kim-hương hoa³⁰... Tất cả giường, màn đều được xông ướp ngưu đầu chiên-đàn³¹, và trang hoàng bằng bảy báu³² vi diệu. Phía trên che bằng dây lưới vàng ròng, châu báu màu xanh phát ánh sáng xanh, châu báu màu vàng tỏa ánh sáng vàng, châu báu màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, châu báu màu trắng tỏa ánh sáng trắng, châu báu màu hồng tỏa ánh sáng hồng, châu báu pha lê tỏa màu pha lê, bảo

²⁸ Cận sự nam (tức ưu-bà-tắc 優婆塞; S: Upāsaka): cư sĩ nam, đã quy y tam bảo và thọ trì năm giới.

²⁹ Đối trị 對治 (S: pratipakṣa): đoạn trừ phiền não. Pháp đối trị là pháp đoạn trừ phiền não (PQĐTĐ, tr.5793).

³⁰ Trầm thủy 沈水 (S: agaru, aguru, kālāguru, kṣṇāgaru): tức trầm thủy hương, trầm hương. Loại cây này gỗ rất thơm, bỏ vào nước thì chìm, nên gọi là trầm thủy (ĐPB).

- Chúng bảo 眾寶: nhiều loại vật báu quý, hiếm.

- Thiên hương 天香: hương của cõi trời, nhưng thường dùng để chỉ cho những hương liệu đặc biệt ở nhân gian.

- Uất kim hương hoa 鬱金香華 (S: Kuṅkumam): thực vật có rễ hình cầu, dùng để nấu thuốc nhuộm, hoa để làm hương, mọc ở vùng Kashmir, Bắc Ấn Độ (PQĐTĐ).

³¹ Ngưu đầu chiên-đàn, xem chiên-đàn, trên.

³² Bảy báu (tức thất bảo 七寶; S: sapta ratnāni): bảy thứ ngọc báu quý giá ở thế gian. Các kinh nói về bảy thứ báu khác nhau. Theo *Kinh A-di-đà* và *luận Đại trí độ*, bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu li, pha-lê, xa cừ, xích châu và mã não. Theo *kinh Pháp hoa* quyển 4, bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu li, xa cừ, mã não, chân châu, mai khô.

châu như ý phát màu như ý, dùng nhiều màu sắc như vậy trang hoàng cực kỳ lộng lẫy. Đặc biệt hiếm có là tấm màn che bốn phía xung quanh. Phía trên phủ bằng màn lưới bảy báu. Bốn mặt xung quanh treo nhiều phan báu, dùng nhiều loại hương phủ lên trên đó, từng sợi dải vàng rủ xuống thật đẹp. Bên trong màn báu lại được trang hoàng bằng nhiều màu sắc khác lạ như trên. Lại dùng bảy báu đúc thành tấm nệm, mềm mại thơm tho, trải lên trên giường. Mỗi một giường màn chõu bằng xe báu. Những xe báu ấy cũng được trang hoàng toàn bằng bảy báu, trước sau đều có tràng phan, dù lọng. Mỗi một dù lọng đều dùng bảy báu đan kết làm thành, xanh vàng đỏ trắng vô cùng trang nghiêm; lại được trang hoàng bằng bốn loại hoa, là ưu-bát-la, hoa bát-đàm-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi³³; cũng dùng bảy báu trang sức như trước. Dùng nhiều vật báu kết thành tràng hoa, tươi tắn xinh đẹp. Lại vẽ bức tranh cuộc đời Đức Phật, diễn tả bồ-tát từ lúc phát tâm đến ngày thành đạo, trong khoảng thời gian thọ nhận thân này bồ-tát nhẫn chịu bao nhiêu khổ hạnh. Còn hai bên đường bày trí kỹ nhạc, mà các nhạc cụ làm bằng bảy báu, âm thanh hòa nhã, phát ra những tiếng vô thường, khổ, không, phát ra những câu: ‘Than ôi thế gian từ nay trống vắng’! Giai điệu réo rắt, nghe đến não lòng, trời đất chấn động. Họ dùng vô số các thứ hoa thơm, bột hương mịn màng, đồng thời bày biện nhiều món thức ăn thơm ngon bậc nhất, đặc biệt được nấu bằng nước thượng nguồn và bằng củi thơm, làm cho thức ăn mềm dẻo thơm ngon, đủ cả mùi vị.

Lại nữa, bên trong bên ngoài khu rừng Kiên cố đều được rưới nước, quét dọn sạch sẽ, rồi rải lên trên lớp cát bảy báu, phía trên trải tiếp các tấm y báu đều được ướp hương, bảo tòa sư tử làm bằng bảy báu xếp ở xung quanh ba mươi hai hàng. Mỗi một bảo tòa, điêu khắc chạm trổ hoa văn tinh xảo, lấp lánh năm màu, dùng nhiều hương thơm xông ướp bảo tòa, phía trên trải bằng nệm lót bảy báu. Chuẩn bị đầy đủ phẩm vật ấy xong, các nam cư sĩ khởi niệm nghĩ rằng:

- Tất cả chúng sinh, ai ưa muốn gì ta đều cho cả, y phục thức ăn, của cải tài sản, đất nước vợ con, đầu mắt tủy não, máu huyết cơ thể, không kể sang hèn, phú quý bần tiện, hễ ai cần gì, xin gì cho nấy, khiến cho đầy đủ, chỉ trừ những thứ sắc dục bất tịnh, thuốc độc hại người, thì không cho thôi.

Các nam cư sĩ phát tâm bồ-tát lại nghĩ như vậy:

³³ Ưu-bát-la 優鉢羅 (S: utpala): hoa sen xanh. Bát-đàm-ma 鉢曇摩 (S: padma), hoa sen đỏ. Câu-mâu-đầu 拘牟頭 (S: kumuda), hoa sen vàng. Phân-đà-lợi 分陀利 (S: punḍarīka), hoa sen trắng.

- Chúng ta cùng đem giường màn, xe báu, vô vàn phẩm vật cúng Phật và Tăng lần sau cùng này là lần lớn nhất.

Các nam cư sĩ lại nghĩ như vậy:

- Phật và đại chúng thụ nhận phẩm vật chúng ta cúng xong, hôm nay Như Lai sẽ vào nê-hoàn.

Suy nghĩ thế rồi lòng buồn vô hạn, ví như mặt trời lúc vừa mới mọc rọi lên cây xanh từng đường gân lá nổi lên trên ấy như mạch máu đỏ, các nam cư sĩ, cũng giống như vậy, toàn thân rung động, mỗi lỗ chân lông thấy đều rướm máu, tuôn xuống như mưa, thân tâm đau tựa trúng phải thuốc độc, khóc than thảm thiết.

Lại nữa, cạnh rừng Kiên cố, các nam cư sĩ dựng lều bảy báu, cao rộng đẹp đẽ, trùm khắp hư không. Bên trong lều ấy dựng nhà bảy báu. Bày biện xong rồi đến chỗ Thế Tôn, lạy dưới chân Ngài. Tràng phan, dù lọng, đem đến cúng dường đầy cả hư không. Khói hương như mây, hoa rải như mưa. Các nam cư sĩ, đau buồn than thở, chân động đất trời, đấm ngực gào khóc, nước mắt như mưa, nhìn nhau nói rằng:

- Than ôi nhân giả, thế gian trống vắng! Con mắt thế gian, sao mau diệt vậy!

Rồi thì tất cả dập đầu sát đất, đồng thanh thỉnh Phật:

- Mong Phật và tăng thương xót chúng con, cùng với chúng sinh, nhận lời cúng dường, Ngài thụ thực xong rồi vào nê-hoàn, để cho chúng con được phước cúng dường Đức Phật, chúng tăng một lần sau cuối!

Thế Tôn biết thời, lặng im không nhận. Họ thỉnh ba lần, Phật đều im lặng.

Bấy giờ hết thấy các nam cư sĩ tuyệt vọng vô cùng, ưu sầu khổ não. Giống như cha lành có một đứa con, rốt cuộc bệnh chết, ông đưa hình hài của con đem chôn ở nơi gò mả, buồn bã quay về, đau xót vô cùng. Các nam cư sĩ đau khổ tột cùng cũng y như vậy. Họ lạy Phật xong, đứng về một phía.

Lại có các vị tín nữ cư sĩ³⁴ thọ trì năm giới, công đức đầy đủ, số nhiều như cát trong ba sông Hằng. Các cư sĩ này hiện làm thân nữ hóa độ chúng sinh, tự trách

³⁴ Tín nữ cư sĩ (tức ưu-bà-di 優婆夷; S: Upāsikā): cư sĩ nữ, đã quy y tam bảo và thọ trì năm giới (PQĐTĐ).

thân mình như bốn rắn độc³⁵. Họ quán thân thể giống như tòa nhà, cũng là thức ăn của tám vạn trùng; thân này ô uế, do tham dục sinh, thí như xác chết, chẳng may may ư; thân này bất tịnh, chín lỗ bài tiết thường xuyên thải ra những chất dơ bẩn; máu thịt gân cốt, cùng với y phục tạo nên thành quách, hư nguy giả dối; chân tay xương cốt, làm cột chống đỡ, móng răng tai mắt là các cửa sổ, tâm pháp dối trá làm màn che cửa, phóng dật kiêu mạn là kẻ giữ thành, lũ giặc tâm vương ngự trong thành ấy, tham lợi phóng túng chạy theo sáu cảnh. Thân thể như thành bại hoại như vậy, chư Phật bỏ đi mà kẻ phạm phu thì ưa thích lắm. Quý dữ tham dục, giận hờn ngu si nương tựa thân này, như loài hoa lan sống nhờ cây khác, chẳng có chút gì đáng ưa đáng thích; thân này tựa như những chùm bọt nước, như thân cây chuối, chẳng gì bền chắc; như tia điện chớp, tiếng vọng âm thanh của loài ngựa hoang; như trăng dưới nước huyễn hóa không thật; như con sóng biển nhanh chóng lướt qua trên đầu ngọn cỏ phút chốc chẳng dừng; như nơi gò mả, như ở rừng hoang, ô uế đầy đầy, từng đàn lang sói, kên kên cú mèo giành nhau ăn thịt, vô số vi trùng cạnh tranh sinh sống ở trong thân này. Tám thân thể này ô uế như vậy an ổn được sao? Nếu có thể đếm sợi lông, giọt nước ở trong biển lớn còn biết được số ít nhiều bao nhiêu, nhưng trong thân này độc trùng tàn hoại, bốn trăm bốn bệnh, vô lượng những điều ô uế bất tịnh thật không thể nào tính hết cho được! Giống như Thế Tôn đã từng thí dụ, bao nhiêu cây cối ở trong thiên hạ đem chẻ làm thẻ, hay lấy đất đá trên quả địa cầu tán thành bụi nhỏ, cũng có thể đếm được số bao nhiêu, nhưng đối thân này những thứ bất tịnh số nhiều vô lượng, vượt quá số kia, không thể tính kể. Thân này độc hại, hủy diệt thiện pháp. Các nữ cư sĩ đều có khả năng xả bỏ thân này như nhổ nước bọt, tu hành pháp không, vô tướng vô tác, tin ưa Đại thừa, lại hay diễn nói cho người khác hiểu. Tên các vị ấy: Kỳ-bà-thi-lợi, Thắng Man phu nhân, bà Tỳ-xá-khư... Các cư sĩ này vào sáng hôm ấy, lúc ánh quang minh chiếu khắp thân hình liền biết điềm lạ. Họ bèn nhanh chóng chuẩn bị phẩm vật đem dâng cúng dường đầy đủ thù thắng gấp đôi người trước. Rồi họ đến chỗ Đức Phật Thế Tôn sụp lạy sát đất, xin Phật và tăng thương xót nạp thụ, nhưng Đức Thế Tôn từ chối không nhận. Các nữ cư sĩ lòng rất u buồn, đứng qua một phía.

³⁵ Bốn rắn độc (tức tứ xà 四蛇): thân thể tứ đại: đất, nước, gió, lửa, dụ như bốn con rắn độc (ĐPB).

Lại có những người bộ tộc Li-xa³⁶ ở trong và ngoài thành Tỳ-xá-li³⁷, cùng với vua quan các nước xung quanh cõi Diêm-phù-đề³⁸, số nhiều như cát của bốn sông Hằng. Những người Li-xa đều có niềm vui ở trong chánh pháp, thuần tu giới hạnh, đạo đức tròn đầy, hàng phục ngoại đạo, cùng với những kẻ phá hoại Phật pháp. Những Phật tử này đều có khả năng thí pháp vô úy, diễn thuyết cho người pháp tạng vô tận; hết thảy đều có khả năng tu tập diệu pháp cam lộ chư Phật đã dạy. Họ có khả năng nhiếp phục chúng ma, tà luận ngoại đạo; tự giữ giới luật, lại hộ trì cho chư Tăng giữ giới thêm được an ổn; tự mình giữ luật, thích nghe Đại thừa và còn diễn nói cho người khác nghe; ai cũng đều có tấm lòng từ mẫn thương khắp chúng sinh, đầy đủ đức độ như những người trước. Tên các vị ấy là Tịnh Ly Cấu Tạng, Thường Khoái Tịnh, Hằng Thủy Ly Cấu Tịnh... Các Phật tử này, mỗi người đều sắm tám mươi bốn ức giường, màn bằng gỗ chiên-đàn, trầm thủy, uất kim, bách mộc³⁹, đầu-lâu hương mộc⁴⁰... mỗi một giường màn đều được chạm trổ, điêu khắc tinh xảo bằng bảy loại báu, đồng thời trang sức năm màu lấp lánh, đẹp tựa như trước. Mỗi người lại sắm tám vạn bốn ngàn ngựa báu mạnh khỏe; tám vạn bốn ngàn voi chúa hùng dũng; tám vạn bốn ngàn cỗ xe bốn ngựa, và dùng đèn báu Thần châu kết nối, trang sức đoan nghiêm, chạy nhanh như gió; tám vạn bốn ngàn đèn báu Minh Nguyệt, suốt cả ngày đêm thường luôn cháy sáng. Tràng, lọng, phan, hoa, màn, lều đại bảo, tranh tượng thêu bằng len gĩa màu trắng như những người trước. Lọng bằng hoa báu rộng một do tuần. Những thứ len gĩa vi diệu mịn màng kết thành tranh tượng dài ba hai do tuần. Mỗi chiếc lều cao một trăm do tuần. Mỗi chiếc phan dài một ngàn do tuần. Mọi thứ trang sức đều bằng bảy báu giống như ở trước. Hương thơm thức ăn theo gió bay đi khắp một do tuần. Các Phật tử này sắp xếp giường tọa, cùng các phẩm vật nơi rừng Kiên cố đầy đủ xong rồi đến chỗ Đức Phật, dập đầu thỉnh cầu, đầu mặt sát đất, đánh lễ xong rồi, đứng về một phía.

Lại có các hàng đại Trưởng giả ở trong Diêm-phù-đề số nhiều như cát của năm sông Hằng. Họ đều vui ưa tin sâu chánh pháp, giới hạnh thuần thực, thành tựu các đức, hàng phục ngoại đạo cùng với những kẻ phá hoại Phật pháp, khiến cho kẻ

³⁶ Li-xa 離車 (S: Licchavi): một dòng tộc sống tại thành Tỳ-xá-li (Vaisāli), miền trung Ấn Độ cổ đại (PQĐTĐ).

³⁷ Tỳ-xá-ly 毘舍離 (S: Vaisāli): quốc vương thuộc trung Ấn Độ cổ (PQĐTĐ).

³⁸ Diêm-phù-đề 閻浮提 (S: Jambudvīpa): chỉ Ấn Độ, về sau chỉ cho thế giới nhân gian (PQĐTĐ, tr.6336).

³⁹ Bách mộc 栢木: cây bách, cây bá.

⁴⁰ Đầu-lâu hương mộc 兜樓香木 (S: turuṣka): một loại gỗ thơm (ĐPB).

ấy tin sâu Đại thừa. Tên các vị là Nhật Nguyệt Quang Vương Đảnh Bạc Hoa Thủ, Pháp Thủ... Những trưởng giả này đem theo con trai, cùng với con gái số nhiều như cát của năm sông Hằng. Các trưởng giả này buổi sáng hôm ấy, nương thân lực Phật sắm sửa phẩm vật đầy đủ trang nghiêm gấp đôi người trước, đem đến chỗ Phật, cung kính dập đầu, lễ chân Như Lai, rồi tất cả cùng đứng về một phía.

Lại có quyền thuộc nội ngoại của vua thành Tì-xá-li, vua và nhân dân, chủ các thành ấp, tụ lạc thôn xóm lớn nhỏ ở trong cõi Diêm-phù-đề, trừ A-xà-thế⁴¹, còn lại tất cả các bậc vua chúa, như Nguyệt Ly Cầu Tạng, Nhật Ly Cầu v.v... số nhiều như cát của sáu sông Hằng, mỗi người đem theo một trăm tám mươi vạn ức quyền thuộc, đều là những người đồng mãnh phi thường, như rồng, voi chúa, đi nhanh như gió, hết thấy tin ưa giáo pháp Đại thừa, giữ giới thanh tịnh, oai đức đầy đủ, hàng phục ngoại đạo cùng với những kẻ phá hoại Phật pháp. Họ cũng sắm sửa phẩm vật cúng dường trang nghiêm thù thắng gấp đôi người trước, đem đến chỗ Phật thành kính cúng dường, xin Phật xót thương từ bi tiếp nhận. Tất cả mọi người dập đầu sát đất, lễ chân Như Lai, đứng về một phía.

Lại có các vua lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-đề này cùng với phu nhân, cung tần mỹ nữ số nhiều như cát của bảy sông Hằng, trừ A-xà-thế. Hết thấy phu nhân, cung tần mỹ nữ đều chán thân nữ, tu tập Không hành⁴², tin ưa Đại thừa, hay vì người khác giảng nói rộng rãi công đức tu hành và những điều khác như trước đã nói. Tên các phu nhân gồm Tam Giới Sa, Niệm Đức v.v... Họ sắm lễ vật gấp đôi người trước, vào sáng hôm ấy đến chỗ Thế Tôn, dập đầu sát đất, đánh lễ chân Ngài, đứng về một phía.

[855a] Lại có thiên tử Phổ Minh cùng với chư thiên nhiều như số cát trong tám sông Hằng. Những thiên tử này ưa pháp Đại thừa, cũng ưa giảng rộng cho người khác nghe. Họ tu tịnh giới, khát ngưỡng Đại thừa, những chúng sinh nào ưa pháp Đại thừa thì dùng pháp ấy thỏa lòng khát ngưỡng; họ tu tịnh giới, ham ưa Đại thừa, kiên cố Đại thừa, giác ngộ Đại thừa, nơi pháp Đại thừa chưa từng khởi lên tâm ý kiêu mạn. Họ hàng phục cả những kẻ ngoại đạo cùng với những kẻ phá rối Phật pháp; hộ trì chánh pháp, tu hành tịnh giới, tùy thuận thế gian, độ người chưa

⁴¹ A-xà-thế 阿闍世 (S: Ajātasātru): quốc vương Ma-kiệt-đà (Magadha) (PQĐTĐ).

⁴² Không hành 空行: tất cả các pháp (cũng gọi là các hành) đều vô ngã, cũng gọi là không. Quán chiếu như vậy gọi là tu hạnh Không hành (ĐPB).

độ, giải thoát cho kẻ chưa được giải thoát. Họ muốn chuyển vận bánh xe chánh pháp, hưng long Tam bảo mãi mãi không dứt; họ muốn kiến lập quốc độ trang nghiêm. Họ đã thành tựu viên mãn vô lượng công đức như thế. Họ có tâm từ, thương khắp chúng sinh giống như con một. Các chư thiên này, vào sáng hôm ấy, ánh sáng chiếu thân liền biết điềm lạ, họ suy nghĩ rằng: ‘Đức Phật Như Lai chẳng bao lâu nữa vào bát-nê-hoàn’. Họ liền đến chỗ Đức Phật Thế Tôn, thấy các phẩm vật dâng cúng đầy đủ, nhìn nhau bảo rằng:

- Chúng ta quan sát người ở thế gian sắm sinh phẩm vật cúng dường Như Lai một lần sau cuối trang nghiêm đặc thù chẳng khác cõi trời. Bao nhiêu phẩm vật cúng Phật cùng Tăng lần cuối cùng này thật là thù thắng, vậy mà Thế Tôn thấy đều không nhận. Nay chư nhân giả! Hôm nay chúng ta thỉnh Phật cùng Tăng và các quyến thuộc, làm lễ cúng dường một lần sau cuối cho thật thù thắng. Hôm nay Như Lai, chư Tăng cùng với tất cả quyến thuộc thương xót chúng ta thụ nhận cúng dường lần sau cùng này rồi vào nê-hoàn. Đức Phật ra đời thật là khó gặp, nhưng được cúng Phật một lần sau cuối lại càng khó hơn. Than ôi nhân giả, thế gian trống vắng! Con mắt thế gian, sao diệt chóng thế!

Chư thiên cõi trời lại nghĩ như vậy:

- Chúng ta cũng phải cúng dường Như Lai.

Nghĩ như vậy rồi, tức thì chuẩn bị phẩm vật cúng dường tối thắng hơn cả người ở thế gian. Giường, màn, xe cộ, tràng, phan, hoa, cái, tranh tượng, lều trướng, mỗi mỗi đều dùng hương, lụa, vật báu của các cõi trời để mà trang sức. Chuẩn bị đầy đủ phẩm vật xong rồi, họ đến chỗ Phật, ôm chân đánh lễ, nhiều trăm ngàn vòng, cung kính thăm hỏi, đứng về một phía.

Lại có vua của các loài rồng ở khắp cả bốn phương, nhiều như số cát của chín sông Hằng, gồm Hòa-tu-cát⁴³, anh em Nan-đầu, Ưu-bát-nan-đà⁴⁴... Các vua rồng này đầy đủ công đức, có lòng thương xót tất cả thế gian. Sáng sớm hôm ấy, gặp ánh sáng Phật, Long vương nghĩ rằng: Như Lai không lâu sẽ nhập nê-hoàn. Chúng liền sắm sửa phẩm vật thù thắng, nhiều gấp hai lần của chúng trời, người, đem đến

⁴³ Hòa-tu-cát 和修吉 (S: Vāsuki): Long vương chín đầu (ĐPB).

⁴⁴ Nan-đầu 難頭 (S: Nanda) và Ưu-bát-nan-đà 優鉢難陀 (Cg: Ưu-bát-la; S: Utpalaka): Hai anh em nhà rồng này lúc đầu rất hung ác, sau nhờ Phật cải hóa, nên có được tấm lòng thương xót thế gian, thường tạo ra mưa thuận gió hòa (Từ điển Bách khoa toàn thư - viết tắt BKTT).

chỗ Phật, ôm lay chân Ngài, nhiều trăm ngàn vòng, xong rồi tất cả, đứng về một phía.

Lại có vua của các chúng quý, thần và Tỳ-xa-môn⁴⁵, nhiều như số cát của mười sông Hằng. Hết thấy quý vương sắm sinh lễ vật đầy đủ như trước, đến chỗ Đức Phật, đầu thành đánh lễ, nhiều trăm ngàn vòng, xong rồi tất cả đứng về một phía.

Lại có, Già-lưu-la⁴⁶ vương, Long oán Già-lưu-la vương... nhiều như số cát hai mươi sông Hằng; Càn-thát-bà⁴⁷ vương, Na-la-đạt Càn-thát-bà vương ... nhiều như số cát ba mươi sông Hằng; Khẩn-na-la⁴⁸ vương, Khoái kiến Khẩn-na-la vương... nhiều như số cát bốn mươi sông Hằng; Ma-hầu-la-già⁴⁹ vương, Đại khoái kiến Ma-hầu-la-già vương... nhiều như số cát năm mươi sông Hằng; A-tu-la vương, Du không A-tu-la vương... nhiều như số cát sáu mươi sông Hằng; Đà-na-bà⁵⁰ vương, Pháp Thủy Ly Cầu Thắng vương... nhiều như số cát bảy mươi sông Hằng; vua loài la-sát, Quảng bố úy la-sát... nhiều như số cát tám mươi sông Hằng; Chủ vương tùng lâm, Dược hương tùng lâm... nhiều như số cát chín mươi sông Hằng; vua loài Trì Chú, Đại huyễn Trì Chú... nhiều như số cát một ngàn sông Hằng; chúng Dục Sắc, Thiên kiến Dục Sắc... nhiều như số cát một ức sông hằng; chúng Thiên nữ, Lam-bà Thiên nữ... nhiều như số sát trăm ức sông Hằng; vua chúng Phụ-đa, Túc-quân-đề Phụ-đa vương... nhiều như số cát ngàn ức sông Hằng; thiên tử ở cõi trời Tứ thiên vương... nhiều như số cát trăm ngàn ức sông Hằng; Lại có thần gió nhiều như số cát trong trăm ngàn ức của con sông Hằng; Lại có các vua làm mây, tạo mưa, vua của hết thấy, các thần làm cho mây, mưa vắng lặng, nhiều như số cát một ức sông Hằng.

Hết thấy các vua của muôn loài ấy, ngay sáng hôm đó, gặp ánh sáng Phật liền biết điềm lạ, suy nghĩ như vậy: Như Lai không lâu sẽ nhập nê-hoàn. Họ liền sắm

⁴⁵ Tỳ-sa-môn 毘沙門 (S: Vaiśravaṇa): vị trời thủ hộ Phật pháp, trụ ở phía Bắc núi Tu-di, giữ gìn phía Bắc cõi Diêm-phù-đề (PQĐTĐ).

⁴⁶ Già-lưu-la 伽留羅 (S: Garuḍa): chim cánh vàng.

⁴⁷ Càn-thát-bà 健闍婆 (S: Gandharva): nhạc thần.

⁴⁸ Khẩn-na-la 緊那羅 (S: Kinnara): thần ca nhạc.

⁴⁹ Ma-hầu-la-già 摩睺羅伽 (S: Mahoraga): đại mạng thần.

⁵⁰ Đà-na-bà 陀那婆 (S: Dānavat): thần bố thí.

sinh phẩm vật cúng dường vô cùng thù thắng, gấp đôi trời, người, đem đến chỗ Phật, đầu thành đánh lễ, nhiễu trăm ngàn vòng, đứng về một phía.

Lại có voi chúa hương tượng⁵¹, voi chúa thân vàng, voi chúa mắt xanh... nhiều như số cát hai mươi sông Hằng. Các loài voi ấy tùy theo sức mình, từ trong Tuyết Sơn, dùng vòi bút hoa cùng các dược thảo. Có những bông hoa lớn bằng bánh xe, như ưu-bát-la, hoa bát-đàm-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi. Nói chung tất cả những loài hoa mọc trên núi dưới khe, hoặc trên đất bằng, thầy đều mang đến, dùng để trang sức giường màn các thứ. Các loài voi ấy buồn rầu gào rống, âm thanh chấn động khắp cả đất trời: Thế gian trông vắng sao mà chóng thế? Con mắt thế gian sao diệt nhanh vậy! Muôn loài voi chúa đến bên chân Phật, sụp lạy chân Phật, rồi thì tất cả đứng về một phía.

Lại có các vua của loài sư tử, như Đại Chân Hồng... đều vì chúng sinh cho sự vô úy⁵²; cùng với các loài vua của muôn chim, như Ca-lan-đà, Ca-lăng-tần-già⁵³... nhiều như số cát của ba sông Hằng, cũng cúng dường Phật đầy đủ trang nghiêm như loài voi chúa.

Lại có vua của các loài trâu, dê, đến rừng Kiên cố cúng dường sữa thơm, hết thầy hào rãnh đều chứa đầy sữa. Lại có vua của các loài ong mật, mang đầy mật thơm chứa đầy hào rãnh. Các loài như vậy nhiều như số cát ở trong sông Hằng, thầy đều đến chỗ Đức Thế Tôn nằm, đánh lễ sát chân, đứng về một phía.

Lại có các vị thần tiên đã đạt năm thứ thần thông⁵⁴, cùng với hết thầy chư vị tiên nhân trong bốn thiên hạ⁵⁵, như tiên Nhẫn Nhục v.v... nhiều như số cát một vạn sông Hằng. Các vị tiên nhân biểu hiện vô số thần lực biến hóa, sắm sinh lễ phẩm thù thắng vi diệu, gấp đôi người trước, đem đến chỗ Phật, trải tóc trên đất, ôm chân Như Lai, thành kính đánh lễ, đứng về một phía.

⁵¹ Hương tượng □□ (S: gandha-hastin, gandha-gaja): một loài voi có sức mạnh vô địch (PQĐTĐ).

⁵² Thí vô úy 施無畏 (S: abhaya-dāna), cho sự không sợ hãi.

⁵³ Ca-lan-đà 迦蘭陀 (S: Karaṇḍa, Karaṇḍaka): một loài chim có tiếng hót rất hay. Ca-lăng-tần-già 迦陵頻伽 (S: Kalaviṅka): loài chim có tiếng hót cực kỳ hay (PQĐTĐ).

⁵⁴ Ngũ thông 五通 (S: pañcābhijñā): thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mệnh thông, thân như ý thông.

⁵⁵ Tứ thiên hạ 四天下, (catvāro-dvīpāḥ): Đông thắng thân châu (Pūrva-videha), Nam thiệm bộ châu (Jambu-dvīpa), Tây ngưu hóa châu (Apara-godānīya), Bắc cứu lô châu (Uttara-kuru). (PQĐTĐ)

Bấy giờ tì-kheo và tì-kheo-ni mười sáu nước lớn⁵⁶ vân tập đông đủ, kín một do tuần, chỉ thiếu hai chúng của hai Tôn giả Ca-diếp, A-nan⁵⁷. Các vị tì-kheo và tì-kheo-ni, ngay sáng hôm ấy, đến chỗ Đức Phật, ôm chân đánh lễ, nhiều trăm ngàn vòng, đứng về một phía.

Lại có vua của các thần núi nhỏ và thần núi lớn; vua của quỷ thần thế giới trung gian; vua của thần núi Tu-di⁵⁸, số nhiều như cát của vạt sông Hằng. Những sơn thần này chỉ ăn những loại lá cây, bông, trái và có thần lực phóng ánh sáng lớn. Họ cùng đến chỗ Đức Thế Tôn nằm, ôm chân đánh lễ, đứng về một phía.

Lại có chư thần, thiên tử trong tám sông lớn, biển lớn, đất lớn, số nhiều như cát, trong trăm ngàn vạt sông Hằng. Các vua lớn nhỏ đều có thần lực phóng ánh sáng lớn, che lấp ánh sáng mặt trời mặt trăng. Họ dùng thần lực làm rừng Kiên cố vọt nước cam lộ⁵⁹ đầy cả sông Hằng, mềm mại trong suốt, khắp nơi đều làm bậc thềm bảy báu, khiến cho chúng hội xuống lên lấy nước chẳng hề thấy mệt.

Bấy giờ, nơi vùng đất của bộ tộc Lực sĩ, về phía phương Bắc, tự nhiên xuất hiện giảng đường Thiện pháp⁶⁰, hướng Nam xuất hiện giảng đường Trọng các⁶¹. Các giảng đường ấy chạm trở tinh xảo, bảy báu trang nghiêm, ánh sáng năm màu, lung linh rực rỡ. Suối trong, hồ tắm, hoa quả, vườn rừng, cũng tự nhiên có. Thật chẳng khác gì khu vườn Hoan Hỷ cõi trời Đạo Lợi, vô cùng ưa thích. Chư vị trời, người, chúng a-tu-la, đều nhìn thấy tướng thể nhập nê-hoàn của đức Như Lai, lòng rất bi cảm, than thở buồn sầu.

⁵⁶ Thập lục đại quốc, 十六大國: Mười sáu nước lớn thời xưa của Ấn Độ, gồm Tỳ-xá-ly (毘舍離, vāsīali), Kiêu-tát-la (橋薩羅, Kosala), Thất-la-phiệt (室羅筏, Śrāvasti), Ma-kiệt-đà (摩伽陀, Magadha), Ba-la-nại (波羅痾斯, Bārāṇasi), Ca-tỳ-la-vê (迦毘羅, Kapilavastu), Câu-thi-na (拘尸那, Kūśinagara), Kiêu-thiểm-di (橋睽彌, Kauśāmbi), Ban-giá-la (般遮羅, Pañcāla), Ba-trá-la (波吒羅, Pāṭaliputra), Mạt-thổ-la (末吐羅, Mathurā), Ô-thi (烏尸, Uśa), Bôn-trá-bạt-đa (奔吒跋多, Puṅgavardhana), Đê-bà-bạt-đa (提婆跋多, Devātāra), Ca-thi (迦尸, Kāśī), Chiêm-ba (瞻波, Campā) (PQĐTĐ).

⁵⁷ Nguyên bản: 唯除尊者大迦葉尊者阿難二眾.

⁵⁸ Tu-di sơn 須彌山 (S: Sumeru-parvata): vốn là ngọn núi trong thần thoại Ấn Độ, được Phật giáo sử dụng, cho rằng đây là ngọn núi cao đứng sừng sững ở chính giữa một tiểu thế giới (PQĐTĐ).

⁵⁹ Cam lộ 甘露 (S: amṛta): sương ngọt, dụ cho giáo lý của Phật giúp nuôi lớn thân tâm chúng sinh (PQĐTĐ).

⁶⁰ Thiện pháp 善法 (S: Sudhamma-sabhā): hội trường của chư thiên Đạo-lợi (PQĐTĐ).

⁶¹ Giảng đường Trọng các (tức Trọng các giảng đường 重閣講堂): một giảng đường nằm gần thành Tỳ-xá-ly (ĐPB).

Lại có một ức số a-tăng-kỳ⁶² chư vị thiên tử ở Tứ thiên vương⁶³, đều đến hội họp, nhìn nhau bảo rằng: Các ông nhìn kia, các chúng trời, người và a-tu-la, vì muốn cúng dường Đức Phật Như Lai một lần sau cuối mà sắm phẩm vật đặc biệt thù thắng, nhiều vô số kể. Phật và đại chúng sau khi thụ nhận phẩm thực họ cúng sẽ nhập nê-hoàn. Chúng ta cũng phải sắm sửa phẩm vật nhiều gấp hai lần phẩm vật người trước, tất cả mọi thứ thức ăn, hương hoa, đều của cõi trời, như mạn-đà-la⁶⁴, ma-ha mạn-đà-la, hoa ca-câu-la⁶⁵, ma-ha ca-câu-la, hoa mạn-thù-sa⁶⁶, ma-ha mạn-thù-sa, hoa tán-đa-na⁶⁷, ma-ha tán-đa-na. Họ sắm vô lượng hương hoa cõi trời mang đến chỗ Phật, dâng lên cúng dường, dập đầu lạy Phật, đứng qua một phía.

Thích Đề-hoàn Nhân⁶⁸ cùng với thiên chúng cõi trời Ba ba⁶⁹, số a-tăng-kỳ, sắm sửa lễ vật đem dâng cúng dường. Vua trời thứ sáu⁷⁰, cùng với quyến thuộc, sắm sửa lễ vật thù thắng hơn trước. Trừ các cõi trời Bốn vô sắc⁷¹ và Hữu sắc vô tướng⁷², ngoài ra các cõi trời khác đều sắm lễ vật cúng dường thù thắng hơn trước.

Bấy giờ Phạm thiên⁷³, chủ của thế giới Ta-bà⁷⁴, cùng Phạm thiên tử, vô lượng quyến thuộc, thân phóng hào quang che bốn thiên hạ, làm cho ánh sáng trời, người cõi Dục đều bị lu mờ. Áo trời, hoa trời, tung xuống như mưa; đồng thời bày biện

⁶² A-tăng-kỳ 阿僧祇 (S: asaṃkhyā): số mục Ấn Độ xưa, bằng 10⁴⁷ (PQĐTĐ).

⁶³ Tứ thiên vương 四天王 (S: catvāraḥ mahā-rājikāḥ): tầng trời thứ nhất trong 6 tầng trời cõi Dục, tầng trời đầu tiên trong các thiên xứ, có bốn vị thiên vương hộ trì thế gian, nên còn gọi là Hộ thế tứ vương (ĐPB).

⁶⁴ Mạn-đà-la 曼陀羅 (S: māṇḍāra, māṇḍāra, māṇḍāra): một loài hoa thường nở vào mùa hè, màu hồng, rất đẹp (PQĐTĐ).

⁶⁵ Ca-câu-la 迦拘羅: chưa tra được xuất xứ.

⁶⁶ Mạn-thù-sa 曼殊沙 (S: mañjuśaka): loại hoa trời có màu trắng tươi và mềm dịu mà chư thiên thường rải xuống để trang nghiêm đạo tràng thuyết pháp (PQĐTĐ).

⁶⁷ Tán-đa-na 散多那 (S: Śāntanika): theo *Huệ Lâm Âm Nghĩa* gọi là hoa Tịch Tĩnh (PQĐTĐ).

⁶⁸ Thích Đề-hoàn Nhân □ □ □ □, cg. Thiên đế Thích □ □ □ (S: Sakra Kevānāṃdra): Chủ tể chư thiên có tên là Sakka (PQĐTĐ).

⁶⁹ Cõi trời Ba ba (tức Tam thập tam thiên □ □ □ □; S: Trāyastriṃśat-deva): cõi trời có 33 thiên tử, một trong sáu tầng trời cõi Dục (ĐPB).

⁷⁰ Vua trời thứ sáu (tức Lục thiên vương □ □ □ □; S: Para-nirmita-vaśa-vartin): vua của cõi trời Tha hóa tự tại □ □ □ □ (ĐPB).

⁷¹ Bốn vô sắc (tức Tứ vô sắc □ □ □ □; S: catasra ārūpya-samāpattayaḥ): bốn cảnh giới vượt ngoài sự ràng buộc của Sắc (PQĐTĐ).

⁷² Cõi giới có thân mà không có tướng, tức cõi Vô tướng thiên trong Tứ thiên thiên.

⁷³ Phạm thiên □ □ (S: Brahmā, Brahma-deva): vua cõi trời Đại Phạm, thuộc trời Sơ thiên, cõi Sắc, rất tin chánh pháp, là người đầu tiên đến thỉnh Phật chuyển pháp luân (PQĐTĐ).

⁷⁴ Ta-bà □ □ (S: sahā, sabhā): thế giới chúng ta đang sống, phạm vi giáo hóa của Phật Thích-ca (PQĐTĐ).

phẩm vật, tràng, phan, dù, lọng cõi trời, xếp thành hàng dài, từ cõi Phạm thiên đến rừng Kiên cố. Họ chuẩn bị xong, đến chỗ Thế Tôn, cung kính đánh lễ, đứng về một phía.

Lại có, Tì-ma-chất-đa⁷⁵, vua trời tu-la, cùng với quyền thuộc, số nhiều vô lượng, thân phóng ánh sáng che bốn thiên hạ, khiến cho ánh sáng Thích Đề-hoàn Nhân và các Phạm vương đều bị lu mờ. Vua trời tu-la cũng sắm sửa nhiều lễ vật dâng cúng, trong đó bảo cái to lớn che khắp tiểu thiên thế giới⁷⁶. Họ chuẩn bị xong, phẩm vật cúng dường, liền đến chỗ Phật, cung kính đánh lễ, đứng về một phía.

Bấy giờ, Thiên ma Ba-tuần⁷⁷, cùng với quyền thuộc, ma nữ cõi trời, số nhiều vô lượng. Họ dùng thần lực mở tất cả cửa của các địa ngục; rồi tùy sở nguyện của các chúng sinh trong địa ngục đó, cung cấp cho họ những thứ cần dùng. Đồng thời bảo với chúng sinh trong cõi địa ngục ấy rằng:

- Các ông cần phải suy niệm công đức tùy hỷ sau cùng mà Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác đã từng chỉ dạy. Nếu niệm như vậy, tất cả các ông sẽ thêm sức mạnh, có thể tu hành phước lợi vô cùng, sẽ khiến các ông hưởng được an ổn, khoái lạc lâu dài, mãi mãi thoát khỏi địa ngục khổ đau, vì Đức Như Lai có oai thần lớn, có thể khiến cho tâm ma Ba-tuần chuyển hóa điều phục, và cũng khiến cho quyền thuộc của ma, bao nhiêu dùng cụ dùng để chiến đấu, đao, trượng, kiếm, cung, tên sắt, dùi sắt, búa sắt, dây buộc, lưỡi móc câu dài, thầy điều biến hóa thành đồ trang nghiêm. Chúng sinh địa ngục xa rời chánh pháp cho nên nhận chịu bao nhiêu khổ đau, đêm dài tăm tối sống trong ngôi nhà tường vách vây quanh, lửa dữ thiêu đốt, nhờ thần lực Phật, mưa pháp rưới xuống khiến cho lửa dữ thầy điều tắt hết.

Khi ấy chúng sinh trong chốn địa ngục thoát khỏi khổ đau, được vui an ổn. Sau khi thoát khổ được an ổn rồi, mỗi mỗi cùng với quyền thuộc của ma sắm sửa lễ vật, đầy đủ thù thắng, gấp đôi số trước, đến chỗ đức Phật, cung kính đánh lễ:

- Cúi xin Thế Tôn thương xót tiếp nhận cho con cúng dường. Đức Phật thọ nhận cho con cúng rồi từ đây về sau, nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ nào xưng

⁷⁵ Tì-ma-chất-đa (tức Tì-ma-chất-đa-la □□□□; S: Vimalacitra) : vua của cõi trời a-tu-la (PQĐTĐ).

⁷⁶ Tiểu thiên thế giới □□□□: lấy núi Tu-di làm trung tâm, chung quanh có 4 đại châu, 9 lớp núi, 8 lớp biển, gọi là một Tiểu thế giới. 1000 tiểu thế giới này hình thành một Tiểu thiên thế giới.

⁷⁷ Thiên ma Ba-tuần □□□□: chỉ cho ma vương tầng trời thứ sáu (Tha hóa tự tại thiên, Pāpīyas).

lên danh diệu hai chữ Đại thừa⁷⁸, tất cả chúng con sẽ vì người ấy bảo hộ cho họ không còn sợ hãi.

Rồi nói chú rằng:

- Sá chỉ trá trá la, đà chỉ lố lâu lệ, ma ha lô lâu lệ, a la, ma la, đa la, tất ba ha.

- Câu thần chú này có thể khiến cho những người loạn tâm được định tâm diệu. Câu thần chú này cũng có khả năng giúp người sợ hãi lìa mọi sợ hãi. Câu thần chú này cũng có thể giúp cho vị pháp sư biện tài vô ngại. Câu thần chú này có thể hàng phục các hàng ngoại đạo. Những người đã có khả năng hộ trì chánh pháp vững bền thì tụng chú này được hai vị thần thường theo hộ vệ. Những lời con nói về thần chú này đều là chân thật. Nếu ở những nơi đồng hoang nguy hiểm, các nạn thú dữ, nạn nước, nạn lửa, người nào trì tụng câu thần chú này, các nạn tiêu trừ. Những người siêng năng trì thần chú này, con sẽ giữ họ như rùa giữ ki sáu chi⁷⁹ của mình. Ngày nay chúng con, đều đã xa lìa những lời xiêm ninh mà ma thường dùng. Nguyên xin Thế Tôn thương xót nhận lãnh phẩm vật con cúng, nguyện xin hứa khả, câu thần chú này.

Khi ấy Thế Tôn nói với Ma vương:

- Như Lai không nhận phẩm vật ông cúng, nhưng vì an ổn cho các chúng sinh, nay Như Lai sẽ chấp nhận thần chú là pháp cúng dường của ông đã nói.

Ba-tuần cầu thỉnh ba lần như vậy, Thế Tôn im lặng không nhận cúng dường. Khi ấy Ba-tuần cùng hàng ma nữ, ôm chân Đức Phật, cung kính đánh lễ, đứng về một phía.

Lại có, vua của cõi trời Đại Tự Tại Thiên⁸⁰ và các Thiên tử, đầy đủ thần lực, số nhiều vô lượng, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, khiến cho ánh sáng của trời Phạm thiên, Thích Đề-hoàn Nhân, cho đến cõi giới của A-tu-la, đều bị lu mờ. Vua cùng Thiên tử Đại Tự Tại Thiên cũng sắm lễ vật đầy đủ trang nghiêm, thù thắng hơn trước; hoa cái⁸¹ sáng rỡ, chiếu khắp ba ngàn, đại thiên thế giới, khiến cho trăng úc, mặt trời, mặt trăng, đều bị che khuất.

⁷⁸ Ma-ha-diễn, □□□, (mahā-yāna), Đại thừa. (ĐPB)

⁷⁹ Nguyên văn: như quy tàng lục □□□□: như rùa giữ ki sáu chi: bốn chân, đầu, đuôi, ý nói bảo hộ sáu căn.

⁸⁰ Đại tự tại thiên, □□□□, (Mahesvara), thần thủ hộ của Phật giáo, trụ ở tầng trời Đệ tứ thiên, cũng là Chủ thần Thấp-bà, một trong ba vị Chủ thần của Bà-la-môn giáo. (PQĐTĐ)

⁸¹ Hoa cái □□ (S: puṣpa-cchatra), cái lọng trang trí bằng hoa.